

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2020/HS-ST

Ngày: 14/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Công Huân

Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thiều Đình Thu

2. Bà Võ Thị Nam

3. Bà Lê Vũ Thúy Hằng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phong Lan - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 14/5/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 722/2019/HSST ngày 26/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 1799/2020/QĐXXST-HS ngày 23/4/2020 đối với các bị cáo:

Họ và tên: **Trần Vĩnh L**; giới tính: nam; sinh năm 1968 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: C10/23 ấp 3, xã HL, huyện BC, Thành phố H; nơi cư trú: 4/19E ấp 4, xã TQT, huyện BC, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ học vấn: 10/12; con ông Trần Văn N (chết) và bà Hồ Thị D (chết); hoàn cảnh gia đình: vợ tên Phạm Thị G, chưa có con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Nhân thân:

-Ngày 20/8/1993, bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” theo bản án số 170/HSST;

-Ngày 25/8/1995, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xử phạt 1 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo bản án số 93/HSST;

-Ngày 06/6/1996, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 2 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo bản án số 145/HSST;

Bắt tạm giam: 14/6/2019;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Hồng A**, Văn phòng luật sư P, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Bị hại:

1. Anh **Lê Hữu T**; sinh năm 1975; nơi cư trú: 6/33C, Ấp 4, xã TQT, huyện BC, Thành phố H; vắng mặt.

2. Chị **Nguyễn Ngọc U**; sinh năm 1980; nơi cư trú: 6/33C, Ấp 4, xã TQT, huyện BC, Thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2016, bị cáo Trần Vĩnh L (bị cáo) có vay của anh Lê Hữu Trọng 10.000.000đ với tiền lãi 2.000.000đ/tháng. Sau khi vay tiền, L chỉ trả tiền lãi cho anh T được 2 tháng. Ngày 05/8/2016, theo yêu cầu của anh T, L viết giấy nợ, xác nhận nợ anh T tổng cộng 20.000.000đ và cam kết trong vòng 01 tháng phải trả hết nợ. Sau đó, L không trả nợ nên anh T thường xuyên gọi điện thoại cho L để đòi nợ nhưng L không nghe máy. Vì vậy, anh T nhiều lần nhắn tin chửi L (bl.161; 164; 182).

Tối ngày 26/01/2017, anh T nhiều lần gọi điện thoại cho L nhưng L không nghe máy nên anh T nhắn tin cho L với nội dung “*Thằng chó mày sợ tao không dám nghe máy hả?*”. Trong thời gian cùng ngày, bị cáo về phòng trọ tại khu nhà trọ Bảy Khiêm, địa chỉ số 4/19E ấp 4, xã TQT, huyện BC (nơi bị cáo thuê ở trọ) thì phát hiện ổ khóa cửa phòng trọ bị đồ keo dán sắt nên không thể mở được. Do vậy, bị cáo phải nhờ người cắt ổ khóa để vào phòng trọ. Bị cáo cho rằng anh T là người đã đồ keo dán sắt vào ổ khóa nên tức giận và nảy sinh ý định đốt nhà của anh T để giết anh T. Đến khoảng 01 giờ ngày 27/01/2017, bị cáo lấy xe máy hiệu Honda Wave màu xanh (không rõ biển số) chạy về hướng chợ BC. Khi đi trên đường ĐĐT, huyện C, L thấy có 01 bình nhựa trắng loại 10 lít nằm bên đường nên bị cáo nhặt lấy rồi chạy đến trạm xăng dầu số 5, địa chỉ D1/2, Quốc lộ 1A, ấp 4, xã BC, huyện BC mua 40.000đ tiền xăng (khoảng 2,3 lít) đựng trong bình nhựa. Sau đó, bị cáo đến tiệm tạp hóa MB tại ngã ba đường ĐĐT, huyện BC mua 01 chiếc bật lửa. Khoảng 01 giờ 15 phút cùng ngày, bị cáo đến trước nhà anh T tại địa chỉ 6/33C, Tổ 4, Ấp 4, xã TQT, huyện BC. Bị cáo xuống xe và nhặt 01 sợi dây nhôm dài khoảng 23cm ở trước nhà, luồn sợi dây nhôm qua lỗ 02 khoen cửa sắt phía ngoài nhà anh T, rồi dùng tay bóp lại để dây nhôm không bị rơi. Sau đó, L đổ hết số xăng trong bình nhựa vào chân cửa

sắt nhà anh T để xăng chảy vào nhà, rồi nhặt một mảnh giấy tập học sinh, dùng bật lửa đốt vào tờ giấy và ném vào cửa sắt. Khi thấy lửa cháy lớn và lan ra ngoài, vì sợ lửa cháy lan sang nhà bên cạnh nên L dùng chân (đang đi dép) đạp lửa. Lửa cháy bén vào đôi dép của bị cáo đang đi, bị cáo bỏ đôi dép lại và lên xe máy chạy đi (bl.162; 164). Vào thời điểm vừa nêu, anh T và vợ là chị Nguyễn Ngọc U cùng con gái là trẻ Lê Nguyễn Huỳnh M đang ngủ trong phòng ngủ (có đặt máy điều hòa) cách cửa ra vào nhà nơi L đổ xăng đốt khoảng 06m. Chị U nghe tiếng nổ lốp bốp (do các lon bia bị cháy dẫn đến phát nổ) và ngửi thấy mùi khét nên kêu anh T thức dậy. Anh T kiểm tra thì phát hiện cháy. Anh T cùng chị U và cháu M mở cửa phòng ngủ chạy ra khỏi phòng, rồi mở cửa phía sau nhà thoát ra ngoài. Anh T lấy nước dập lửa và hô hoán để những người dân xung quanh hỗ trợ. Vụ cháy không tổn thương đến sức khỏe anh T và vợ con anh T nhưng gây thiệt hại về tài sản cho vợ chồng anh T: Cửa sắt, xe máy và một số tài sản khác bị hư hại.

Sau đó, anh T phát hiện có 01 can nhựa, 01 đôi dép bị cháy và 01 dây nhôm móc vào khoen cửa sắt bên ngoài. Nghi ngờ có người đốt nhà mình nên anh T đến Công an xã TQT, huyện BC trình báo (bl.181; 184).

Qua rà soát, Công an xã TQT đã mời bị cáo đến trụ sở để làm việc. Tại Công an xã TQT, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Sau đó, bị cáo bỏ trốn nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BC truy nã. Ngày 14/6/2019, bị cáo đến Công an xã TQT, huyện BC để đầu thú (bl.82).

Theo kết quả khám nghiệm hiện trường vào ngày 27/01/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra (bl.52), xác định được như sau: Hiện trường vụ cháy là căn nhà số 6/33C ấp 1, xã TQT, huyện BC, bên phải có một đường hẻm nhỏ cách tường nhà số 6/33A khoảng 1,2 mét, bên trái là bãi đất trống, phía sau nhà có nhiều cây cối. Nơi xảy ra vụ cháy là ngôi nhà một mái, kích thước 5x10 mét, kết cấu tường xây, mái tole, có cửa chính là cửa kim loại, dạng cửa kéo, có khung hình chữ X. Ghi nhận tình trạng cửa bên ngoài then chốt cửa có một cây kim loại bẻ cong xỏ móc vào lỗ khoen chốt cửa (thường dùng để khóa cửa ngoài) theo hướng nhìn từ trước vào, phần cửa bên tay phải bị cháy và ám khói kích thước 60cm. Tiến hành mở cửa đi vào bên trong nhà phía sau phần cánh cửa kim loại bị cháy ghi nhận một thùng bia hiệu Tiger bị cháy đen, một số ghế ngồi làm bằng nhựa bị cháy và cháy ra mù, một xe honda hiệu Surius bị cháy một bên ốp mù, kích thước 50x5cm.

Theo kết quả tiến hành khám nghiệm hiện trường bổ sung (bl.59), ghi nhận: Khoảng cách từ vị trí cháy đến vị trí giường đặt trong phòng ngủ đóng kín có trang bị máy điều hòa nhiệt độ của vợ chồng anh Lê Hữu T là khoảng 06m.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 649/HĐĐG-TTHS-TCKH ngày 11/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh (bl.39-45) kết luận về giá trị tài sản của gia đình anh Lê Hữu T bị thiệt hại do vụ cháy như sau:

-Một số bộ phận của xe máy hiệu Yamaha Sirius, biển số 62L1-178.52 gồm: mặt dựng, Pas pô, cốp yên, cốp phải, ốp đuôi, đuôi biển số, bộ đèn sau, ốp sườn phải, bộ tem xe, tổng giá trị thiệt hại là 2.585.000đ;

-01 thùng bia Tiger có giá 300.000đ;

-01 thùng nước ngọt (xá xì) có giá 125.000đ;

-01 quạt đứng hiệu Senko có giá 350.000đ;

-01 quạt treo tường hiệu Senko có giá 430.000đ;

-Chi phí sơn lại bộ cửa sắt bị cháy (loại cửa kéo) kích thước 5x2,4m có giá 800.000đ.

Tổng giá trị thiệt hại 4.590.000đ.

Vật chứng vụ án:

Thu tại hiện trường vụ cháy (bl.27):

-01 đôi dép nhựa bị cháy sém;

-01 vỏ can nhựa bị cháy biến dạng;

-01 sợi dây kim loại màu trắng (dạng dây nhôm) dài 23cm;

Thu giữ của anh T (bl.95): 01 giấy ghi nợ, có nội dung xác nhận bị cáo nợ tiền của anh T.

Trong quá trình điều tra, chị Phạm Thị G (vợ bị cáo) đã tự nguyện bồi thường cho anh Lê Hữu T số tiền 30.000.000đ. Ngày 03/7/2019, anh T có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho L (bl.179; 203).

Tại bản Cáo trạng số 406/CT-VKS-P2 ngày 30/9/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội “Giết người” theo điểm l và n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau:

Căn cứ lời khai của bị cáo, kết quả giám định, các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở để xác định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử kết án bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả do vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm l và n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm d khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo từ 12 đến 13 năm tù về tội “Giết người” và từ 3 đến 4 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 15 đến 17 năm tù;

Về mặt dân sự: Ghi nhận việc gia đình bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại;

Về vật chứng: Xử lý theo quy định.

Bị cáo bào chữa như sau: Bị cáo đốt nhà anh T với mục đích đe dọa anh T. Bị cáo không có ý muốn giết anh T.

Luật sư A thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và bào chữa cho bị cáo như sau: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt; bị cáo chỉ có ý định hù dọa anh T, khi thấy lửa cháy lớn bị cáo đã dùng chân dập lửa để ngăn chặn; bị cáo thành khẩn khai báo, có ông nội là liệt sỹ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có căn cứ để xác định:

Chỉ vì nghi ngờ anh Lê Hữu T đã đồ keo dán sắt vào ổ khóa cửa phòng trọ của bị cáo, bị cáo Trần Vĩnh L đã nảy sinh ý định giết anh T để trả thù. Để thực hiện ý định của mình, bị cáo đã mua khoảng 2,3 lít và 01 hộp quẹt gas để làm công cụ phạm tội.

Vào khoảng khoảng 01 giờ 15 phút ngày 26/01/2016, trong lúc anh T cùng vợ và con đang ngủ trong căn nhà số 6/33C tổ 4, ấp 4, xã TQT, huyện BC, bị cáo đã dùng 1 đoạn dây nhôm cột khoen cửa nhà anh T từ phía ngoài, rồi đồ xăng vào chân cửa sắt cho chảy vào nhà và dùng hộp quẹt đốt. Tuy nhiên, khi lửa cháy tạo ra khói và tiếng nổ, vợ anh T phát hiện và báo cho anh T biết nên vợ chồng anh T và con anh T đã mở cửa nhà phía sau nhà thoát được ra ngoài.

Vụ việc không gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của vợ chồng anh T và con anh T. Tuy nhiên, một số tài sản của gia đình anh T đã bị hư hại. Tổng chi phí thiệt hại về tài sản được xác định là 4.590.000đ.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tính mạng, tài sản của người khác được luật pháp bảo vệ. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng chỉ vì nghi ngờ anh T có hành vi đồ keo dán sắt vào ổ khóa cửa phòng nơi bị cáo thuê trọ, bị cáo đã có hành vi dùng xăng (chất cháy) đốt nhà anh T, với mục đích giết anh T để trả thù. Hành vi có tính chất côn đồ và có khả năng làm chết nhiều người. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo đã phạm tội “Giết người” theo điểm 1 và n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4]. Về nội dung bào chữa của bị cáo và luật sư Nguyễn Hồng A.

Trước khi thực hiện hành vi đốt nhà anh T, bị cáo đã dùng một đoạn dây nhôm xoắn qua khoen cửa và bóp lại với mục đích không cho anh T chạy ra ngoài; khối lượng xăng mà bị cáo sử dụng khoảng 2,3 lít là rất lớn, có thể cháy rất nhanh và giết chết mọi người trong nhà nếu không phát hiện kịp thời và không có cửa sau để thoát ra. Do vậy, việc bị cáo và luật sư A bào chữa cho rằng bị cáo chỉ muốn hù dọa anh T là hoàn toàn không có căn cứ.

Theo lời khai của bị cáo (tại bút lục 162-164) thì khi thấy lửa cháy lan ra ngoài, bị cáo sợ lửa lan sang nhà bên cạnh nên đã dùng chân (có đi dép) đạp vào phần lửa cháy lan, khi bị lửa cháy lan sang dép, bị cáo tháo dép bỏ lại và lấy xe chạy đi. Như vậy, bị cáo thực hiện hành vi vừa nêu là do sợ lửa cháy lan sang nhà bên cạnh, không phải là vì muốn dùng hành vi giết anh T. Luật sư A viện dẫn hành vi vừa nêu để cho rằng bị cáo không có ý định giết anh T là không có căn cứ. Bởi lẽ, nếu sau khi thực hiện hành vi đốt nhà anh T, nếu bị cáo hối hận và muốn ngăn chặn đám cháy thì bị cáo có nhiều cách thức để thực hiện như hô hoán, nhờ mọi người hỗ trợ, mở khoen..... Tuy nhiên, trong thực tế, khi thấy lửa cháy lớn, bị cáo đã bỏ đi.

[5]. Về tính chất mức độ vi phạm, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng:

Bị cáo là người có nhân thân không tốt, đã từng có 3 án tích: Ngày 20/8/1993, bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”; ngày 25/8/1995, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xử phạt 1 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 06/6/1996, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 2 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

Đối với tội “Giết người”: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có 2 tình tiết định khung tại khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; hành vi có mức độ nguy hiểm cao. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nên được áp dụng khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có 2 tình tiết định khung tại khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015; hành vi có mức độ nguy hiểm cao.

Sau khi phạm tội và bị truy nã, bị cáo đã ra đầu thú; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, cần áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo chưa tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, còn quanh co, không thừa nhận việc muốn giết anh T. Do vậy, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo tương xứng đối với từng tội danh.

Bị cáo phạm nhiều tội. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, cần tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[6]. Về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, vợ bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình anh T 30.000.000đ, anh T đã nhận số tiền đã nêu và cho biết không có yêu cầu gì thêm (bl.179; 203). Do vậy, căn cứ theo Điều 585 Bộ luật dân sự 2015, cần ghi nhận.

Về vật chứng:

Đối với tờ giấy ghi nội dung việc Trần Vĩnh L mượn tiền của Lê Hữu T: Cần giao trả lại cho anh T.

Các vật chứng còn lại không còn sử dụng được. Do vậy, căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm 1 và n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm d khoản 2 Điều 178, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 55, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015; căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; căn cứ Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015,

1. Xử phạt bị cáo Trần Vĩnh L 14 (mười bốn) năm tù về tội “Giết người” và 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tổng hợp hình phạt, buộc

bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2019.

2. Ghi nhận theo hồ sơ vụ án việc bị hại đã nhận 30.000.000đ do vợ bị cáo đã tự nguyện bồi thường và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

3. Tịch thu tiêu hủy:

-01 đôi dép nhựa bị cháy sém;

-01 vỏ can nhựa bị cháy biến dạng;

-01 sợi dây kim loại màu trắng (dạng dây nhôm) dài 23cm;

4. Giao trả lại cho anh Lê Hữu T 01 tờ giấy có ghi nội dung việc Trần Vĩnh L mượn tiền của Lê Hữu T (bl.95 của hồ sơ vụ án).

5. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Đương sự; (2)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (5)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân